

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4312**/2015/QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày **27** tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua
“Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Hướng dẫn số 2378/HD-BTĐKT ngày 13/10/2015 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn khen thưởng tổng kết giai đoạn 2011 - 2015 phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Tờ trình số 528/TTr-BTĐKT ngày 19/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

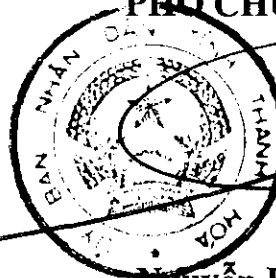
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Thi đua - khen thưởng tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng

các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh;
Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố; các xã, thôn, bản và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Ban Thi đua – Khen thưởng TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- T.Trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, Pg NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

QUY ĐỊNH

Về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4312/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bao gồm: Quy định về đối tượng tham gia phong trào thi đua, nội dung thi đua, hình thức và mức khen thưởng; cơ cấu khen thưởng, tiêu chuẩn xét khen thưởng; thủ tục, hồ sơ khen thưởng.

2. Đối tượng áp dụng

Các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện); các xã, thôn, bản; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các tập thể, tổ chức, các cơ quan, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tham gia phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” đạt thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực, hiệu quả trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nội dung thi đua

1. Các hoạt động tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Các hoạt động nghiên cứu phát huy sáng kiến trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, đề xuất các giải pháp hữu ích nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình xây dựng nông thôn mới.

3. Các hoạt động huy động nguồn lực cho việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Các chương trình, kế hoạch có chất lượng, hoàn thành sớm các chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Các khái niệm

1. Huyện tiêu biểu là huyện:

- Có nhiều nỗ lực, cố gắng, sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới, đạt kết quả cao;

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc huyện có tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới cao nhất thuộc vùng (đồng bằng; miền núi; thành phố, thị xã, ven biển) trong tỉnh;

- Có GDP bình quân đầu người cao nhất vùng; tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất vùng;

- Có hệ thống chính trị đạt vững mạnh tiêu biểu.

2. Xã tiêu biểu là xã:

- Có nhiều nỗ lực, cố gắng, sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới, đạt hiệu quả cao;

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí NTM cao nhất thuộc vùng (đồng bằng; miền núi; thành phố, thị xã, ven biển) trong tỉnh;

- Có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn bình quân chung của huyện;

- Có nhiều tiêu chí NTM đạt cao hơn mức chuẩn;

- Có hệ thống chính trị đạt vững mạnh tiêu biểu;

3. Thôn, bản tiêu biểu là:

- Có nhiều nỗ lực, cố gắng, sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới, đạt hiệu quả cao;

- Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí NTM cao nhất trong xã.

- Có nhiều tiêu chí NTM đạt cao hơn mức chuẩn.

Chương II

TIÊU CHUẨN, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể được UBND tỉnh phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí nông thôn mới và phân công thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới với những tiêu chuẩn như sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ đạo, thực hiện, hướng dẫn giúp các địa phương hoàn thành các tiêu chí của ngành; có kế hoạch cụ thể của ngành mình để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới do ngành phụ trách; hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch chung của tỉnh đề ra hàng năm và từng giai đoạn;

- Bám sát thực tiễn, nghiên cứu bổ sung kịp thời các văn bản hướng dẫn và tham mưu cho UBND tỉnh đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy xây dựng NTM;

- Các ngành thành viên trong Ban Chỉ đạo được phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí phải làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; chủ động đăng ký với Ban chỉ đạo về việc hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, nhất là cơ sở, đồng thời có báo cáo định kỳ cho Ban chỉ đạo tỉnh qua cơ quan Thường trực (Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh).

2. Đối với huyện:

- Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả phong trào thi đua trên địa bàn, có nhiều cách làm sáng tạo; đề ra các nội dung, giải pháp sát đúng, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương;

- Chủ động lựa chọn những tiêu chí được nhân dân đồng tình cao, thực hiện có hiệu quả cao để tập trung chỉ đạo, tạo được đột phá; kịp thời hỗ trợ và xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng NTM ở các thôn, xã, hàng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch do Ban chỉ đạo tỉnh giao, đề ra;

- Chấp hành tốt công tác thông tin, báo cáo (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất) theo quy định.

- Đến năm 2015, 2020 (theo giai đoạn), huyện phấn đấu đạt, vượt mục tiêu đăng ký và kế hoạch tỉnh giao.

- Là huyện tiêu biểu so với các huyện trong tỉnh.

Riêng thị xã Bim Sơn, thị xã Sầm Sơn vì có số xã xây dựng NTM ít, do đó căn cứ vào thành tích đạt được cụ thể của đơn vị để xét khen thưởng.

3. Đối với xã:

- Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong huyện, đồng thời là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới;

- Có kế hoạch, lộ trình hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ;

- Huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội và các nguồn lực khác cho xây dựng nông thôn mới;

- Các xã không nằm trong danh sách về đích sớm nhưng đạt và vượt số tiêu chí theo kế hoạch do Ban chỉ đạo tỉnh, huyện đề ra với chất lượng tốt và là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với thôn, bản:

Là các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã miền núi (theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135) thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong xã, đồng thời là thôn, bản tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

Những tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có đóng góp lớn vào xây dựng nông thôn mới, đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 01 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi

trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (huyện, xã) ghi nhận;

b) Có mức đóng góp, hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới từ 07 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 03 tỷ đồng trở lên).

6. Đối với cá nhân và hộ gia đình:

a) Cán bộ, công chức, viên chức bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới;

b) Các doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài ... có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới (gắn với địa chỉ và sản phẩm cụ thể);

c) Hộ gia đình nông thôn ngoài việc đóng góp công sức, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới còn phải có thêm thành tích xây dựng, cải tạo nơi ở (nhà, công trình vệ sinh, ao vườn, tường rào, cổng ngõ) xanh, sạch, đẹp, môi trường đạt tiêu chuẩn, sản xuất giỏi cấp tỉnh, có thu nhập khá và giúp đỡ cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Điều 5. Cơ cấu khen thưởng

1. Khen thưởng hàng năm (áp dụng từ năm 2016 đến 2020).

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho:

- 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;
 - Mỗi huyện chọn 01 xã tiêu biểu;
 - Mỗi huyện lựa chọn 02 thôn, bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn;
 - 03 tập thể là các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đạt tiêu chuẩn như Khoản 5, Điều 4 Quy định này;
 - Mỗi huyện chọn 01 cá nhân và 01 hộ gia đình có thành tích xuất sắc;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể chọn 10 cá nhân có thành tích xuất sắc;
- (Các tập thể, cá nhân trong giai đoạn 5 năm chỉ được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tối đa 02 lần)*

2. Khen thưởng giai đoạn

2.1. Giai đoạn 2011 - 2015

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi cho 01 huyện có thành tích tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong toàn tỉnh (phải là huyện đạt chuẩn NTM).

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Xét chọn khoảng 5% số xã trong tỉnh tiêu biểu nhất đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và thưởng công trình phúc lợi (xã đề nghị khen thưởng phải là xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn, bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 02 thôn, bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu đạt tiêu chuẩn tại Khoản 5, Điều 4, Quy định này.

- Lựa chọn một số trong số tập thể tiêu biểu đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 03 cá nhân và 02 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

- Lựa chọn một số trong số cá nhân có thành tích xuất sắc đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 05 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn, bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 thôn, bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị đạt tiêu chuẩn tại Khoản 5, Điều 4, Quy định này.

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 cá nhân và 05 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 10 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

Căn cứ kế hoạch triển khai giai đoạn 2 (2016-2020) của Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương, tỉnh tổ chức thực hiện cơ cấu khen thưởng ở cấp trung ương theo quy định.

Lưu ý: Đối với huyện, xã, các đơn vị, cá nhân, hộ gia đình được đề nghị Trung ương khen thưởng thì không đề nghị tỉnh khen thưởng. Trường hợp đề nghị trung ương khen thưởng nhưng không được, thì được tỉnh khen thưởng ở mức cao nhất theo đối tượng của Quy định này.

Điều 6. Hình thức khen thưởng và mức thưởng.

1. Đối với huyện:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng, từ nguồn kinh phí của Trung ương);

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Đối với xã:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng, từ nguồn kinh phí của Trung ương)

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Đối với thôn, bản

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động: Do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lựa chọn, đề nghị khen thưởng.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

5. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ vào tiêu chuẩn và thành tích cụ thể trong thực hiện phong trào thi đua để đề nghị khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn:

+ Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 02 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn ghi nhận;

+ Có mức đóng góp cho xây dựng nông thôn mới từ 15 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 07 tỷ đồng trở lên).

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

6. Đối với cá nhân, hộ gia đình:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

c) Giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Căn cứ kế hoạch triển khai giai đoạn 2 (2016-2020) của Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương, tỉnh sẽ tổ chức thực hiện hình thức khen thưởng và mức thưởng cấp Trung ương theo quy định.

Điều 7. Kinh phí khen thưởng, quản lý sử dụng kinh phí khen thưởng:

1. Kinh phí khen thưởng.

- Tiền thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng, tiền thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi của tỉnh từ nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng của tỉnh.

- Tiền thưởng công trình phúc lợi của Trung ương từ nguồn kinh phí của Trung ương.

2. Quản lý sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng;

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo sử dụng đúng mục đích kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng của đơn vị mình; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi, kinh phí khen thưởng của các xã, thôn, bản trên địa bàn đúng mục đích, hiệu quả, theo quy định tại Quyết định số 4168/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về ban hành Danh mục các công trình phúc lợi được sử dụng kinh phí thưởng trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020.

Chương III

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 8. Đăng ký thi đua

1. Các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1, Quy định này tiến hành đăng ký thi đua và các cấp có thẩm quyền nhận đăng ký thi đua của các đối tượng theo quy định như sau:

a) Đối với xã: Nhận đăng ký thi đua của tập thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp và đăng ký với huyện

- Trước ngày 15/01 đối với khen thưởng hàng năm;

- Trước ngày 20/01/2016 đối với khen thưởng giai đoạn 2016 – 2020.

b) Đối với huyện: Nhận đăng ký thi đua của xã, các tập thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp và đăng ký với tỉnh.

c) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Nhận đăng ký thi đua của các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp và đăng ký với tỉnh.

d) Đối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài: Căn cứ vào thành tích đóng góp để xem xét hình thức khen thưởng phù hợp.

2. Thời gian đăng ký với tỉnh:

Địa phương, đơn vị căn cứ vào danh sách đăng ký thi đua, tổng hợp gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua khen thưởng tỉnh và Văn phòng Điều phối xây dựng NTM).

- Trước ngày 30/01 đối với khen thưởng hàng năm;
- Trước ngày 10/02/2016 đối với khen thưởng giai đoạn 2016 - 2020

Điều 9. Hồ sơ. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng gồm:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua khen thưởng của địa phương, đơn vị;
- Báo cáo tóm tắt thành tích;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen (theo phụ lục đính kèm)

Số lượng: 02 bộ

2. Hồ sơ đề nghị Trung ương xét khen thưởng gồm:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình khen;
- Báo cáo tóm tắt thành tích;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen
- Báo cáo thành tích (theo phụ lục đính kèm)

Số lượng: Đối với đề nghị Thủ tướng khen thưởng 04 bộ hồ sơ.

Đối với đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng 05 bộ hồ sơ

(các trường hợp phải xin ý kiến hiệp ý thêm 01 bộ hồ sơ).

Thể thức và kỹ thuật trình bày của các mẫu báo cáo phải được thực hiện theo đúng qui định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3. Thời gian nộp hồ sơ: Các đơn vị nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 10/02 hàng năm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Ban Thi đua khen thưởng tỉnh là cơ quan Thường trực phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới), các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức

triển khai các nội dung của Quy định này; hướng dẫn đăng ký thi đua, tổ chức thực hiện, chỉ đạo điểm, phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng điển hình tiên tiến các cấp; kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh; thẩm định thành tích, xét đề nghị các cấp khen thưởng. Hàng năm báo cáo UBND tỉnh và Ban chỉ đạo tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể được giao, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trong phạm vi cơ quan, đơn vị và nộp về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Văn phòng Điều phối xây dựng NTM trước ngày 30/11/2015.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện thắng lợi phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị có ý kiến phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

